

Số: 08/2022/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn và thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn và thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn và thi hành một số điều của Luật giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 422/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 02 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đầu tư, quản lý, khai thác, kinh doanh và sử dụng dịch vụ đò, phà do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

### **Điều 2. Quy định về khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà.**

1. Khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định này tại Phụ lục 1.

2. Mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định này tại Phụ lục 2.

3. Theo biểu khung giá và mức giá tối đa này Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để xây dựng mức giá cụ thể cho từng bến đò, phà phù hợp với quy mô bến và công suất đò, phà.

### **Điều 3. Quản lý và sử dụng nguồn thu dịch vụ**

Tổ chức và cá nhân thu giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý có trách nhiệm quản lý nguồn thu dịch vụ theo quy định hiện hành.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2022.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 5;
- TT công báo, Website tỉnh;
- LĐVP, Km, Tạo, TH;
- Lưu: VT. 12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**K. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dành**

**KHUNG GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐÒ, PHÀ  
ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số 08./2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

STT	Đối tượng thu (người/ phương tiện/ hàng hóa)	Đơn vị tính	Khung giá	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Mức giá sử dụng dịch vụ qua đò, phà hành ngày</b>			
1	Miễn các đối tượng; trẻ em dưới 6 tuổi, người già trên 75 tuổi, thương binh, bệnh binh	đồng/ lượt	Miễn phí	
2	Hành khách đi bộ	đồng/lượt	1.000 - 3.000	
3	Hành khách điều khiển xe đạp, xe đạp điện, xe 3 bánh không gắn động cơ	đồng/lượt	1.000 - 4.000	
4	Hành khách điều khiển đi xe mô tô, xe gắn máy, xe mô tô 03 bánh và các loại xe có gắn động cơ tương tự	đồng/lượt	2.000 - 10.000	
5	Xe ô tô đến 09 chỗ ngồi	đồng/lượt	20.000 - 50.000	
6	Xe ô tô từ 10 chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi	đồng/lượt	25.000 - 70.000	
7	Xe ô tô từ 17 chỗ ngồi đến 45 chỗ ngồi	đồng/lượt	40.000 - 75.000	
8	Xe ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn	đồng/lượt	20.000 - 40.000	
9	Xe ô tô tải có trọng tải từ 01 tấn đến dưới 3,5 tấn	đồng/lượt	25.000 - 65.000	
10	Xe ô tô tải có trọng tải từ 3,5 tấn đến dưới 05 tấn	đồng/lượt	40.000 - 85.000	
11	Xe ô tô tải có tải trọng từ 05 tấn đến 10 tấn	đồng/lượt	85.000 - 150.000	
12	Hàng hóa dưới 50 kg trở xuống	đồng/lượt	2.000 - 5.000	
13	Hàng hóa từ 50 kg đến dưới 1.000 kg	đồng/lượt	5.000 - 10.000	



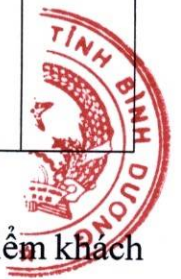
14	Hàng hóa từ 01 tấn trở lên	đồng/lượt	6.000 - 10.000	
15	Dịch vụ bao cả chuyên	đồng/chuyên/lượt	20.000 - 35.000	
<b>II Mức giá sử dụng dịch vụ sử dụng đò, phà tuần (đồng/tuần)</b>				
1	Hành khách đi bộ mua vé tuần	đồng/người/ tuần	10.000 - 18.000	
2	Hành khách xe mô tô 2 bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự mua vé tuần (giá vé cho 01 người đi 01 xe)	đồng/người/ tuần	20.000 - 35.000	
3	Hành khách xe mô tô 2 bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự mua vé tuần (giá vé 02 người 01 xe)	đồng/ người/ tuần	30.000 - 53.000	

Ghi chú:

- Mức giá trong biểu nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm khách hàng.

- Đối với xe ô tô: Mức giá dịch vụ đò, phà của xe ô tô bao gồm cả lái xe và không tính cho hành khách ngồi trên xe.

- Đối với xe 2 bánh (gồm xe đạp, xe đạp điện, xe mô tô, xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh): Mức giá dịch vụ đò, phà tính cho mỗi xe, 01 người, người thứ hai đi theo xe được tính theo mức giá hành khách đi bộ.



**MỨC GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐÒ, PHÀ ĐƯỢC ĐẦU TƯ  
BẰNG NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số 0.8./2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

STT	Đối tượng thu (người/ phương tiện/ hàng hóa)	Đơn vị tính	Giá tối đa	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Mức giá sử dụng dịch vụ qua đò, phà hành ngày</b>			
1	Miễn các đối tượng; trẻ em dưới 6 tuổi, người già trên 75 tuổi, thương binh, bệnh binh	đồng/ lượt	Miễn phí	
2	Hành khách đi bộ	đồng/lượt	3.000	
3	Hành khách điều khiển xe đạp, xe đạp điện, xe 3 bánh không gắn động cơ	đồng/lượt	4.000	
4	Hành khách điều khiển đi xe mô tô, xe gắn máy, xe mô tô 03 bánh và các loại xe có gắn động cơ tương tự	đồng/lượt	10.000	
5	Xe ô tô đến 09 chỗ ngồi	đồng/lượt	50.000	
6	Xe ô tô từ 10 chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi	đồng/lượt	70.000	
7	Xe ô tô từ 17 chỗ ngồi đến 45 chỗ ngồi	đồng/lượt	75.000	
8	Xe ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn	đồng/lượt	40.000	
9	Xe ô tô tải có trọng tải từ 01 tấn đến dưới 3,5 tấn	đồng/lượt	65.000	
10	Xe ô tô tải có trọng tải từ 3,5 tấn đến dưới 05 tấn	đồng/lượt	85.000	
11	Xe ô tô tải có tải trọng từ 05 tấn đến 10 tấn	đồng/lượt	150.000	
12	Hàng hóa dưới 50 kg trở xuống	đồng/lượt	5.000	



13	Hàng hóa từ 50 kg đến dưới 1.000 kg	đồng/lượt	10.000	
14	Hàng hóa từ 01 tấn trở lên	đồng/lượt	10.000	
15	Dịch vụ bao cả chuyên	đồng/chuyên/lượt	35.000	
<b>II Mức giá sử dụng dịch vụ sử dụng đò, phà tuần (đồng /tuần)</b>				
1	Hành khách đi bộ mua vé tuần	đồng/người/tuần	18.000	
2	Hành khách xe mô tô 2 bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự mua vé tuần (giá vé cho 01 người đi 01 xe)	đồng/người/tuần	35.000	
3	Hành khách xe mô tô 2 bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự mua vé tuần (giá vé 02 người 01 xe)	đồng/người/tuần	53.000	

Ghi chú:

- Mức giá trong biểu nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm khách hàng.

- Đối với xe ô tô: Mức giá dịch vụ đò, phà của xe ô tô bao gồm cả lái xe và không tính cho hành khách ngồi trên xe.

- Đối với xe 2 bánh (gồm xe đạp, xe đạp điện, xe mô tô, xe gắn máy, xe mô tô 2 bánh): Mức giá dịch vụ đò, phà tính cho mỗi xe, 01 người, người thứ hai đi theo xe được tính theo mức giá hành khách đi bộ.

